

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂY HỒ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2020/QĐST-HNGĐ

Ngày: 10.9.2020.

*V/v tranh chấp xin ly hôn,  
nuôi con chung.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng*

*Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lịch*

*Ông Nguyễn Văn Tĩnh*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Ngọc Tiên - thư ký.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa:  
Ông Lê Huy - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 10 tháng 09 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh Th. - sinh năm 1979 (có mặt).*

*Nghề nghiệp: Bảo vệ.*

*Giấy CMND số: 012032xxx, Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 24/3/2010.*

*ĐKKH và trú tại: Số 10 ngõ 668 đường L., phường N., quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.*

*- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y. - sinh năm 1983 (có mặt).*

*Nghề nghiệp: Tự do.*

*CMND số: 001183003xxx, Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 12/9/2014.*

ĐKHK: Số 10 ngõ 668 đường L., phường N., quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại: Số 456 đường A., phường N., quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai, hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn Thủy trình bày như sau:

- Về tình cảm: Tôi và chị Nguyễn Thị Y. có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2006 tại UBND phường N., quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu. Cả hai đều kết hôn lần đầu tiên.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hòa thuận đến tháng 8/2015 thì có mâu thuẫn, cô Yến cùng con gái chuyển ra ở riêng. Sau đó tôi cũng có đến chỗ cô Yến và con ở để đề nghị quay về nhưng tôi nghi ngờ cô Y. có quan hệ bất chính với người khác nên tôi không làm nữa. Tôi thừa nhận bản thân cũng từng có giai đoạn sử dụng ma túy, nhưng nay tôi đã cai và cuộc sống bình thường, cũng vì việc này mà vợ chồng tôi ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi được xin ly hôn với chị Y..

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là con gái Nguyễn Anh Th2., sinh ngày 21/4/2013.

Kể từ khi ly thân đến nay cháu đang ở với cô Y.. Sau khi ly hôn tôi đồng ý để chị Y. trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th2.. Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/01 tháng.

Thu nhập trung bình của tôi hàng tháng là khoảng 4.700.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chúng tôi không nợ ai, không cho ai vay nợ chung.

Về nhà ở: Chúng tôi không có nhà ở chung, năm 2012 tôi được mẹ tôi tặng cho riêng nhà đất tại địa chỉ: Một phần nhà đất tại số 10 ngõ 668 đường L., phường N., quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chúng tôi ở đó không cải tạo, sửa chữa gì. Khi cho thì trên đất đã có 01 nhà ba tầng do mẹ tôi xây dựng. Tôi xác định đây là tài sản riêng của tôi nên tôi không đồng ý chia cho cô Y..

### **Bị đơn là chị Y. trình bày như sau:**

- Về tình cảm:

Chúng tôi đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2006 tại UBND phường N., quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu. Cả hai đều kết hôn lần đầu tiên.

Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2009 thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì tôi phát hiện anh Th. sử dụng ma

túy, tôi có khuyên giải anh Th. từ bỏ nhưng không được, cho đến cuối năm 2012 khi đang mang thai cháu Nguyễn Anh Th2. thì tôi biết anh Th. vẫn sử dụng ma túy, anh Th. có hứa hẹn nhưng không thay đổi. Sau khi chúng tôi ly thân vào tháng 8/2015 anh Th. có sử dụng ma túy nữa hay không thì tôi không biết. Ngoài ra thì anh Th. luôn vô tâm, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, kinh tế trong gia đình do một mình tôi đứng ra lo liệu.

Đối với việc anh Th. cho rằng tôi có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, tôi khẳng định là không có, còn anh Th. cho rằng như vậy thì phải có bằng chứng để chứng minh. Do đặc thù công việc của tôi là làm may đo, nên thường xuyên có khách qua lại chứ không có quan hệ bất chính với ai.

Đến nay anh Th. xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn với anh Th..

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là con gái Nguyễn Anh Th2., sinh ngày 21/4/2013.

Kể từ khi ly thân vào năm 2015 thì tôi đã đi thuê nhà và ở cùng cháu Th2. cho đến nay. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th2.. Tôi đề nghị anh Th. cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/ 01 tháng.

Thu nhập hàng tháng của tôi khoảng 10.000.000 đồng/ 01 tháng.

• ***Về Tài sản chung, nhà ở, các khoản vay nợ:***

- Về tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đây là những đồ đạc có giá trị không lớn.

- Về nhà ở: Chúng tôi không có nhà ở chung, năm 2012 anh Th. được mẹ anh tặng cho riêng nhà đất tại địa chỉ: Một phần nhà đất tại số 10 ngõ 668 đường L., phường N., quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chúng tôi ở đó không cải tạo, sửa chữa gì. Khi cho thì trên đất đã có 01 nhà ba tầng do mẹ anh Th. xây dựng. anh Th. đã xuất trình Hợp đồng tặng cho tài sản và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Th.. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về nhà đất vì đây là tài sản riêng của anh Th..

Về vay nợ chung: Chúng tôi không nợ ai, không cho ai vay nợ chung.

Ngoài ra tôi yêu cầu anh Th. phải đền bù tuổi thanh xuân cho tôi, từ năm 2006 cho đến năm 2015, số tiền 300.000.000 đồng, tôi không có hóa đơn chứng từ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

**Tại phiên tòa:**

Anh Nguyễn Thanh Th. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y., anh Nguyễn Thanh Th. đồng ý để chị Nguyễn Thị Y. được trực tiếp con gái Nguyễn Anh Th2., sinh ngày 21/4/2013. Anh Nguyễn Thanh Th. tự nguyện cấp dưỡng 1.700.000 đồng/tháng để chị Y. nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Y. đồng ý ly hôn với anh Th., xin được trực tiếp con gái Nguyễn Anh Th2., sinh ngày 21/4/2013 và nhất trí với anh Nguyễn Thanh Th. tự nguyện cấp dưỡng 1.700.000 đồng/tháng để chị Y. nuôi con; Về tài sản chung và nhà ở, công nợ không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Đề nghị tòa án xem xét và yêu cầu anh Th. phải đền bù tuổi thanh xuân cho chị Yên từ năm 2006 cho đến năm 2015, số tiền 300.000.000 đồng, chị Y. chỉ đề nghị chứ không nộp tạm ứng án phí để yêu cầu tòa án xem xét, chị Y. không có hóa đơn chứng từ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ theo các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh Th., anh Nguyễn Thanh Th. được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y.. Giao cháu Nguyễn Anh Th2., sinh ngày 21/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Y. được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th2., anh Th. cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/ 01 tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản, nhà ở chung, khoản nợ chung: Hai bên đương sự không có nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của chị Y. về bồi thường tuổi thanh xuân là không có căn cứ nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Thanh Th. phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh Th. khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Y. tại Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, tại thời điểm anh Nguyễn Thanh Th. làm đơn khởi kiện với chị Nguyễn Thị Y. thì chị Nguyễn Thị Y. có hộ khẩu và nơi cư trú tại quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân Quận Tây Hồ giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Nguyễn Thanh Th. và chị Nguyễn Thị Y. xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2006 tại UBND phường N., quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện và có tìm hiểu. Cả hai đều kết hôn lần đầu tiên - đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống hòa thuận một thời gian sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống, anh Nguyễn Thanh Th. nghiện hút và không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh Nguyễn Thanh Th. nghi ngờ chị Nguyễn Thị Y. có quan hệ với người khác không đúng mực. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2015 cho đến nay anh chị đã sống ly thân, hiện nay cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn. Như vậy, hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình”. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh Th. là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Hai đương sự có con chung là 01 con chung là con gái Nguyễn Anh Th2., sinh ngày 21/4/2013. Kể từ khi ly thân vào năm 2015 thì cháu Nguyễn Anh Thu ở cùng với chị Nguyễn Thị Y. cho đến nay. Ly hôn, anh chị cùng thống nhất là để chị Nguyễn Thị Y. được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th2., anh Th. cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/ 01 tháng. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh chị. Giao cháu Nguyễn Anh Th2., sinh ngày 21/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Y. được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th2., anh Th. cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/ 01 tháng.

[4] Về tài sản, nhà ở chung, khoản nợ chung: Hai bên đương sự không có nên không xét.

Đối với yêu cầu của chị Y. về bồi thường tuổi thanh xuân trong thời gian chị kết hôn với anh Th. số tiền 300.000.000 đồng, chị Y. không nộp tạm ứng án phí và các chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu của mình. Mặt khác, do anh chị kết hôn là tự nguyện, pháp luật không quy định về việc hai đương sự khi ly hôn phải bồi thường tuổi xuân cho nhau nên không có căn cứ xem xét đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Y..

[5] Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Thanh Th. phải nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh Th., anh Nguyễn Thanh Th. được ly hôn với chị Nguyễn Thị Y..

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Th2., sinh ngày 21/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Y. được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th. có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/ 01 tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Thanh Th. được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà ở chung, khoản nợ chung: Hai bên đương sự không có nên không xét.

4. Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Thanh Th. phải nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Thanh Th. đã nộp xong 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3986 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ. Anh Nguyễn Thanh Th. còn phải 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm Anh Nguyễn Thanh Th., chị Nguyễn Thị Y. (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND quận Tây Hồ;
- Chi cục THADS quận Tây Hồ;
- UBND Phường Y., quận Tây Hồ.
- Đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Việt Hùng**